

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 15
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 243/2026/DS-ST.

Ngày: 30 - 7 - 2026.

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duy Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Huỳnh Thị Thuỳ Dương
- Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 607/2026/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 353/2026/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

- Ông Lê Minh T, sinh năm 1978;
- Bà Phan Thị H, sinh năm 1980;

Cùng địa chỉ: Số nhà E, tổ G, khu phố Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người đại diện hợp pháp:

- Ông Trần Văn N, sinh năm 2001; địa chỉ: thôn T, xã B, tỉnh Khánh Hòa;
- Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 2002; địa chỉ: thôn C, xã P, tỉnh Gia Lai;
- Bà Nguyễn Ngọc Như M, sinh năm 2003; địa chỉ: 5 N, khu phố C, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng địa chỉ liên hệ: Số B Đ, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh. Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 28/5/2026). Có đơn xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Hoàng Đức C, sinh năm 1991; địa chỉ: số A đường B, khu phố P, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phan Đình T1, sinh năm 1990. Nơi cư trú: 31/12, khu phố T, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh người đại diện theo uỷ quyền theo Hợp đồng uỷ quyền ngày 20/7/2026. Có đơn xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/3/2026, bản tự khai và ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn ông Trần Văn N và bà Nguyễn Ngọc Như M thống nhất trình bày:

Thông qua mối quan hệ quen biết, vợ chồng ông Lê Minh T và bà Phan Thị H có cho ông Hoàng Đức C vay tiền nhiều lần (từ ngày 07/10/2019 đến ngày 19/02/2020), với tổng số tiền là 152.700.000đồng. Việc giao nhận bằng tiền mặt giữa vợ chồng ông T và ông C, không lập biên bản giao nhận tiền, không lập thành văn bản vay mượn. Tuy nhiên, ông C thừa nhận nợ và đã nhận đủ số tiền nêu trên và cam kết hoàn trả khoản nợ gốc và lãi suất theo thỏa thuận là 10%/năm, việc thừa nhận bằng miệng.

Đến nay, ông C chỉ mới trả số tiền gốc là 12.500.000 đồng. Ông C cam kết trả hết nợ gốc và tiền lãi trên vào ngày 29 tết (29/12/2025 âm lịch), tức ngày 16/02/2026 dương lịch nhưng đến hạn ông C không trả nợ cho ông T, bà H. Ông T, bà H đã nhiều lần yêu cầu ông C thanh toán số tiền gốc còn lại cùng với lãi suất như đã thỏa thuận, nhưng ông C vẫn không thực hiện nghĩa vụ. Thậm chí, ông T, bà H đã liên tục gọi điện, nhắn tin và nhiều lần đến địa chỉ ông C đang ở và làm việc để yêu cầu ông C thanh toán khoản nợ nhưng ông C vẫn không trả nợ.

Hiện tại, ông C sinh sống và làm việc tại Trung tâm B, địa chỉ: A Đường B, Ấp P, Phường P, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là 13B Đường B, Ấp P, P, B, Thành phố B) do ông C làm chủ, mỗi lần gặp đòi nợ ông T, bà H và ông C đều gặp nhau tại địa chỉ này.

Ngày 11/3/2026, ông T, bà H đã gửi Thông báo đòi nợ đến ông C về việc yêu cầu ông C trả nợ vay gốc và lãi cho ông Lê Minh T và bà Phan Thị H thời hạn chậm nhất đến ngày 15/3/2026. Tuy nhiên, đến nay ông Hoàng Đức C vẫn chưa thanh toán khoản nợ gốc và lãi cho ông T, bà H. Do đó, ông T và bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Hoàng Đức C phải trả cho ông T và bà H tổng số tiền gốc là 152.700.000đồng - 12.500.000đồng = 140.200.000đồng.

Buộc ông Hoàng Đức C phải trả cho ông Lê Minh T và bà Phan Thị H số tiền lãi phát sinh trong hạn tạm tính từ ngày 19/02/2020 đến ngày 15/03/2026 (tổng cộng 2.217 ngày) với lãi suất 10%/năm là: 140.200.000 đồng x 10%/365 ngày x 2.217 ngày = 85.157.096 đồng.

Buộc ông Hoàng Đức C phải trả cho ông Lê Minh T và bà Phan Thị H số tiền lãi phát sinh quá hạn tạm tính từ ngày 16/3/2026 đến ngày 18/3/2026 (tổng cộng 03 ngày) với lãi suất 15%/năm là: $140.200.000 \text{ đồng} \times 15\%/365 \text{ ngày} \times 03 \text{ ngày} = 172.849 \text{ đồng}$

Tổng số tiền là $140.200.000 \text{ đồng} + 85.157.096 \text{ đồng} + 172.849 \text{ đồng} = 225.529.945 \text{ đồng}$. Kể từ ngày 18/03/2026, ông Hoàng Đức C còn phải tiếp tục trả lãi đến thời điểm thực tế hoàn tất thanh toán.

Quá trình giải quyết vụ án, căn cứ kết quả xác minh do Công an phường P, Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp thể hiện ông Hoàng Đức C có đăng ký thường trú, sinh sống và làm việc tại địa chỉ số A đường P, khu phố P, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Hoàng Đức C tại địa chỉ nêu trên, bị đơn đã đọc toàn bộ nội dung văn bản nhưng không đồng ý nhận văn bản tổng đạt, không đến Tòa án tham gia hoà giải và cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên toà xét xử sơ thẩm lần thứ nhất, đại diện bị đơn có đơn xin hoãn phiên toà và đơn xin vắng mặt tại phiên toà xét xử lần hai tuy nhiên bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ.

Ngày 17/7/2026, nguyên đơn ông T, bà H có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất, cụ thể ông T bà H yêu cầu ông Hoàng Đức C phải trả cho ông Lê Minh T và Phan Thị H số tiền nợ gốc còn nợ là 140.200.000 đồng và thanh toán tiền lãi chậm trả phát sinh tạm tính từ ngày 13/07/2022 đến ngày 18/07/2026 (tổng cộng 1.466 ngày) với lãi suất 10%/năm là: $140.200.000 \text{ đồng} \times 10\%/365 \text{ ngày} \times 1.466 \text{ ngày} = 56.310.466 \text{ đồng}$.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà có ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên toà, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định pháp luật, riêng bị đơn quá trình hoà giải không tham gia nhưng tại phiên toà có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là phù hợp quy định pháp luật. Đại diện Viện Kiểm sát không có ý kiến cũng như kiến nghị sửa chữa, bổ sung gì thêm về phần thủ tục.

Về nội dung, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận về số tiền nợ gốc 140.200.000 đồng, về thời gian yêu cầu tính lãi chậm trả là không có căn cứ chấp nhận, có căn cứ chấp nhận tiền lãi chậm trả kể từ ngày 16/3/2026 theo Thông báo đòi nợ ngày 11/3/2026 cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của vị Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Lê Minh T và bà Phan Thị H khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn ông Hoàng Đức C có nơi cư trú tại phường P, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Đại diện bị đơn có đơn xét xử vắng mặt tại phiên toà ngày 29-7-2026. Do đó, căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự trong vụ án.

[3] Về nội dung: Nguyên đơn thừa nhận việc vay mượn giữa nguyên đơn và bị đơn không có lập thành văn bản, do thời gian vay đã lâu và việc giao nhận tiền nhiều lần, đều bằng tiền mặt nên nguyên đơn không nhớ cụ thể vì vậy nguyên đơn chỉ căn cứ vào tin nhắn trao đổi giữa hai bên thông qua ứng dụng Zalo để xác định tổng số tiền bị đơn còn nợ là 140.200.000đồng. Căn cứ vào nội dung trao đổi giữa tài khoản Z có tên Nhất C1 và tài khoản Zalo tên Phan Thị H ngày 07/10/2022 có nội dung “*Tổng 143200-3000=14200 e thiếu ac*” cùng hình ảnh chụp màn hình thể hiện đã chuyển khoản số tiền 3.000.000đồng đến tài khoản có tên PHAN THI HUONG với nội dung “*HOANG DUC CHUNG chuyen tien*”. Ngày 02/4/2025, tài khoản Zalo tên Nhất C1 có gửi tin nhắn xác nhận “*Tổng còn 140200tr*”.

[4] Bên cạnh đó, nguyên đơn cung cấp tài liệu chứng minh bà H nhiều lần gửi tin nhắn Zalo cho ông C1 yêu cầu trả số tiền còn nợ là 140.200.000đồng thì tài khoản Zalo tên Nhất C1 không có ý kiến phản đối và còn đề nghị bà H cho thêm thời gian trả nợ. Quá trình tố tụng, Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông C1 nhưng ông không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Toà án. Tại phiên toà, người đại diện hợp pháp của bị đơn đã được sao chụp tài liệu chứng cứ vụ án nhưng cũng không có văn bản phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tiền gốc và lãi, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Toà án.

[5] Do đó, căn cứ tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp có cơ sở xác định ông Hoàng Đức C có nợ ông T, bà H số tiền 140.200.000 đồng nên có căn cứ xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập giao dịch vay tiền theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự.

[6] Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi: Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và Thông báo đòi nợ ngày 11/3/2026 nguyên đơn trình bày giữa các bên có thỏa thuận miêng lãi suất 10%/năm nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 17/7/2026 nguyên đơn xác định giữa hai bên có thỏa thuận lãi suất vay 7%/tháng nhưng là thỏa thuận miêng, không có căn cứ chứng minh. Bị đơn vắng mặt trong quá trình tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện. Xét thấy, lời trình bày của nguyên đơn về mức lãi suất thỏa thuận là không thống nhất. Xem xét nội dung các tin nhắn trao đổi thông qua ứng dụng Zalo giữa hai bên đều không đề cập đến việc trả lãi, chỉ yêu cầu trả số tiền gốc còn nợ

là 140.200.000đồng. Do đó, có căn cứ xác định giao dịch vay giữa các bên là giao dịch vay không xác định thời hạn, không có thỏa thuận về lãi suất.

[7] Vì vậy yêu cầu tính lãi quá hạn của nguyên đơn được tính từ ngày tiếp theo liền kề của ngày đến hạn trả tiền (ngày 15/3/2026) theo Thông báo đòi nợ ngày 11/3/2026 là ngày 16/3/2026 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm 30/7/2026, với lãi suất 10%/năm: $140.200.000 \times 10\%/năm \times 4 \text{ tháng } 14 \text{ ngày} = 5.218.555 \text{ đồng}$.

Đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn ông Hoàng Đức C phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 147, Điều 244, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, Điều 357, Điều 463, khoản 4 Điều 466, Điều 468 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi trong hạn trên số tiền 140.200.000 đồng từ ngày 19/02/2020 đến ngày 13/7/2022 của nguyên đơn.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Minh T và bà Phan Thị H đối với bị đơn ông Hoàng Đức C về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Hoàng Đức C có nghĩa vụ trả cho ông Lê Minh T và bà Phan Thị H tổng số tiền 145.418.555 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu bốn trăm mười tám nghìn năm trăm năm mươi lăm đồng), cụ thể:

Nợ gốc: 140.200.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu hai trăm nghìn đồng).

Và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 16/3/2026 đến ngày 30/7/2026, lãi suất 10%/năm là 5.218.555 đồng (Năm triệu hai trăm mười tám nghìn năm trăm năm mươi lăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Hoàng Đức C phải trả lãi từ ngày 13/7/2022 đến ngày 15/3/2026 với lãi suất 10%/năm là: $140.200.000 \text{ đồng} \times 10\%/365 \text{ ngày} \times 1337 \text{ ngày} = 51.355.452 \text{ đồng}$

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hoàng Đức C phải nộp số tiền 7.270.928 đồng (Bảy triệu hai trăm bảy mươi nghìn chín trăm hai mươi tám đồng).

Ông Lê Minh T và bà Phan Thị H phải nộp số tiền 2.567.773 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.638.000 đồng (Năm triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026450 ngày 24/4/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Thi hành án dân sự Thành phố H hoàn trả cho ông Lê Minh T và bà Phan Thị H số tiền tạm ứng án phí còn lại là 3.070.227 đồng

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7, 36, 71 và 72 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự 2025.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh ;
- VKSND khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: HS, Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Duy Nhân